

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VICASA - VNSTEEL

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017
(đã được soát xét)



CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VICASA - VNSTEEL

KCN Biên Hòa 1, đường số 9, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính đã được soát xét	05 - 33
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	08 - 09
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 33

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VICASA - VNSTEEL

KCN Biên Hòa 1, đường số 9, phường An Bình, thành phố Biên Hòa,
tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL trước đây là Công ty Cổ phần Thép Biên Hòa (VICASA) được chuyển từ Doanh nghiệp nhà nước là Công ty Thép Biên Hòa theo Quyết định số 2255/QĐ-BCN ngày 29 tháng 06 năm 2007 của Bộ Công nghiệp và Quyết định số 641/QĐ-TCLĐ ngày 21 tháng 09 năm 2007 của Tổng Công ty Thép Việt Nam về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Thép Biên Hòa thành Công ty Cổ phần Thép Biên Hòa (VICASA). Ngày 30/3/2016, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã nghị quyết đổi tên Công ty thành Công ty Cổ phần Thép VICASA – VNSTEEL.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4703000474 đăng ký lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần 6 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần với mã số doanh nghiệp 3600961762 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 06 tháng 04 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: KCN Biên Hòa 1, đường số 9, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Văn Cam	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Xuân Tiến	Thành viên	
Ông Nguyễn Bảo Giang	Thành viên	
Ông Nguyễn Đông Vững	Thành viên	
Ông Võ Hựu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/03/2017
Ông Nguyễn Văn Lộc	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28/03/2017

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Xuân Tiến	Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vương Thanh Đường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đông Vững	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Phước Hải	Trưởng ban
Ông Lê Trọng Dung	Thành viên
Ông Hồ Duy Khải	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VICASA - VNSTEEL

KCN Biên Hòa 1, đường số 9, phường An Bình, thành phố Biên Hòa,
tỉnh Đồng Nai

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Xuân Tiến
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 04 tháng 07 năm 2017

Số: 309 /2017/BC.KTTC-AASC.HCM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL được lập ngày 30 tháng 06 năm 2017, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Ngô Minh Quý
Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2434-2013-002-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 07 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		294.290.231.195	236.451.862.794
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	27.847.745.687	46.456.265.470
111	1. Tiền		25.847.745.687	46.456.265.470
112	2. Các khoản tương đương tiền		2.000.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		112.895.935.267	66.547.303.978
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	04	109.542.087.179	68.154.554.904
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	05	5.191.166.500	191.878.808
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	06	242.428.211	295.616.889
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(2.079.746.623)	(2.094.746.623)
140	IV. Hàng tồn kho	08	151.391.551.999	121.348.459.596
141	1. Hàng tồn kho		151.391.551.999	121.348.459.596
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.154.998.242	2.099.833.750
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	2.154.998.242	2.099.833.750
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		83.583.492.933	85.824.036.369
220	II. Tài sản cố định		78.970.713.025	82.557.176.315
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	78.970.713.025	82.557.176.315
222	- Nguyên giá		387.079.297.620	380.669.914.550
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(308.108.584.595)	(298.112.738.235)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		2.235.787.530	851.713.429
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	09	2.235.787.530	851.713.429
260	VI. Tài sản dài hạn khác		2.376.992.378	2.415.146.625
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	2.376.992.378	2.415.146.625
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		377.873.724.128	322.275.899.163

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		151.636.178.614	93.446.831.987
310	I. Nợ ngắn hạn		151.636.178.614	93.446.831.987
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	38.556.730.681	30.352.509.374
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		35.000.000	35.000.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	4.809.803.358	463.882.658
314	4. Phải trả người lao động		12.844.782.078	19.289.722.677
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	2.614.848.023	185.497.073
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	1.927.177.583	1.688.450.764
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	86.638.627.350	41.298.369.200
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	17	3.100.000.000	-
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.109.209.541	133.400.241
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		226.237.545.514	228.829.067.176
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	226.237.545.514	228.829.067.176
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		151.873.220.000	151.873.220.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		151.873.220.000	151.873.220.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		20.441.721.380	20.441.721.380
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		14.999.169.000	14.999.169.000
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		38.923.435.134	41.514.956.796
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		15.687.513.796	11.050.362.483
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		23.235.921.338	30.464.594.313
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		377.873.724.128	322.275.899.163

Đặng Công An
Người lập

Nguyễn Thanh Hùng
Kế toán trưởng

Nguyễn Xuân Tiên
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 04 tháng 07 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2017	2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	772.406.592.192	694.784.711.471
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	3.338.774.400	34.930.000
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		769.067.817.792	694.749.781.471
11	4. Giá vốn hàng bán	22	716.770.813.086	650.590.208.770
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		52.297.004.706	44.159.572.701
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	482.545.255	1.007.932.130
22	7. Chi phí tài chính	24	1.370.947.919	567.751.780
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1.370.943.479	562.297.016
25	8. Chi phí bán hàng	25	8.342.544.015	3.644.734.085
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	14.042.594.740	12.365.435.861
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		29.023.463.287	28.589.583.105
31	11. Thu nhập khác	27	28.158.793	69.772.728
32	12. Chi phí khác	28	6.720.408	952.719.895
40	13. Lợi nhuận khác		21.438.385	(882.947.167)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		29.044.901.672	27.706.635.938
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	5.808.980.334	5.541.327.188
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>23.235.921.338</u>	<u>22.165.308.750</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	1.377	1.343



Đặng Công An
Người lập



Nguyễn Thanh Hùng
Kế toán trưởng

Nguyễn Xuân Tiến
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 04 tháng 07 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2017	2016
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		29.044.901.672	27.706.635.938
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		11.741.131.075	14.221.619.406
03	- Các khoản dự phòng		3.085.000.000	1.506.276.987
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(26.238)	2.041.980
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(185.532.258)	(924.835.361)
06	- Chi phí lãi vay		1.370.943.479	562.297.016
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		45.056.417.730	43.074.035.966
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(46.333.631.289)	(52.225.894.549)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(30.043.092.403)	22.626.180.729
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		7.022.785.907	20.813.485.305
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(17.010.245)	1.676.511.070
14	- Tiền lãi vay đã trả		(1.348.096.529)	(599.260.859)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(4.242.815.300)	(7.145.531.220)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	9.600.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.070.650.700)	(2.238.042.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(31.976.092.829)	25.991.084.442
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(9.751.983.093)	(2.720.327.647)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		226.400.000	67.272.728
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		172.373.465	857.562.633
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(9.353.209.628)	(1.795.492.286)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2017	2016
			VND	VND
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		150.240.667.500	84.792.514.010
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(104.900.409.350)	(144.235.360.664)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(22.619.501.714)	(22.343.138.985)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>22.720.756.436</i>	<i>(81.785.985.639)</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(18.608.546.021)	(57.590.393.483)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		46.456.265.470	70.869.272.827
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		26.238	(2.041.980)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	03	<u>27.847.745.687</u>	<u>13.276.837.364</u>



Đặng Công An
Người lập



Nguyễn Thanh Hùng
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Tiến
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 04 tháng 07 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL trước đây là Công ty Cổ phần Thép Biên Hòa (VICASA) được chuyển từ Doanh nghiệp nhà nước là Công ty Thép Biên Hòa theo Quyết định số 2255/QĐ-BCN ngày 29 tháng 06 năm 2007 của Bộ Công nghiệp và Quyết định số 641/QĐ-TCLĐ ngày 21 tháng 09 năm 2007 của Tổng Công ty Thép Việt Nam về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Thép Biên Hòa thành Công ty Cổ phần Thép Biên Hòa (VICASA). Ngày 30/3/2016, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã nghị quyết đổi tên Công ty thành Công ty Cổ phần Thép VICASA – VNSTEEL.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4703000474 đăng ký lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần 6 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần với mã số doanh nghiệp 3600961762 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 06 tháng 04 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: KCN Biên Hòa 1, đường số 9, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 151.873.220.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 151.873.220.000 VND; tương đương 15.187.322 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và bán thép thời; các loại sắt, thép xây dựng và gia công cơ khí.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là:

- Sản xuất sắt, thép, gang: sản xuất sản phẩm thép, nguyên vật liệu sản xuất thép, sắt thép các loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: mua bán vật liệu xây dựng;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan: mua bán xăng, dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng, mỡ máy (địa điểm kinh doanh xăng dầu phải phù hợp quy hoạch mạng lưới kinh doanh xăng dầu của tỉnh);
- Tái chế phế liệu: xử lý, gia công, chế biến thứ liệu và phế liệu kim loại;

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản tiền gửi gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như

- Nhà cửa, vật kiến trúc	07 - 25	năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 12	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 08	năm

2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.11 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.12 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.13 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả, tiền điện sản xuất... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.14 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ kế toán.

Các khoản chi phí dự phòng sửa chữa lớn sẽ được bù trừ với số chi phí thực tế phát sinh khi quyết toán hạng mục sửa chữa lớn. Số chênh lệch giữa số đã dự phòng và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.16 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.17 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại.

Các khoản chiết khấu thương mại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.18 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.19 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: chi phí đi vay vốn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VICASA - VNSTEELKCN Biên Hòa 1, đường số 9, phường An Bình, thành phố
Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

2.20 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

2.21 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	185.864.739	282.015.524
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.661.880.948	46.174.249.946
Tiền đang chuyển	10.000.000.000	-
Các khoản tương đương tiền (*)	2.000.000.000	-
	27.847.745.687	46.456.265.470

(*) Tại 30/06/2017, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng có giá trị 2.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng Thương mại CP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN TP. Hồ Chí Minh với lãi suất 4,3%/năm.

4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	106.426.951.647	34.656.175.847
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Miền Nam	2.535.062.216	2.813.923.747
- Công ty TNHH Thép Tây Đô	-	10.731.646.272
- Công ty TNHH Thép VINAKYOEI	-	18.855.677.500
- Các khoản phải thu khách hàng khác	580.073.316	1.097.131.538
	109.542.087.179	68.154.554.904
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan	108.966.402.863	67.057.423.366
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37.		

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VICASA - VNSTEEL

KCN Biên Hòa 1, đường số 9, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Cơ khí Điều Đông Dương	-	-	117.670.000	-
- Công ty TNHH Thương mại An Cường	1.140.000.000	-	-	-
- Công ty CP Vật tư và Thiết bị Toàn Bộ	2.722.150.000	-	-	-
- Công ty TNHH Nhất Trí Thành	760.100.000	-	-	-
- Trả trước cho người bán khác	568.916.500	-	74.208.808	-
	5.191.166.500	-	191.878.808	-

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Tạm ứng	102.574.416	-	147.935.130	-
- Ký cược, ký quỹ	7.400.000	-	7.400.000	-
- Phải thu CBCNV tiền thuế TNCN	132.453.795	-	107.281.759	-
- Phải thu khác	-	-	33.000.000	-
	242.428.211	-	295.616.889	-

7 . NỢ XẤU

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán				
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Miền Nam	2.535.062.216	565.315.593	2.813.923.747	844.177.124
- DNTN Mười Thanh	110.000.000	-	125.000.000	-
	2.645.062.216	565.315.593	2.938.923.747	844.177.124

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VICASA - VNSTEELKCN Biên Hòa 1, đường số 9, phường An Bình, thành phố
Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

8 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	64.982.458.680	-	74.358.291.536	-
- Công cụ, dụng cụ	107.468.826	-	127.023.564	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8.028.562.722	-	17.250.691.568	-
- Thành phẩm	77.216.656.477	-	29.612.452.928	-
- Hàng gửi đi bán	1.056.405.294	-	-	-
	151.391.551.999	-	121.348.459.596	-

9 . XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Xây dựng cơ bản dở dang	444.949.987	851.713.429
- Dự án cải tạo cán trung hàng ngang sang cán hàng dọc	-	851.713.429
- Dự án cải tạo nối dài Nhà xưởng 50 tấn tại phân xưởng Luyện	219.191.804	-
- Dự án đầu tư bộ làm mát hệ thống xử lý khí thải	225.758.183	-
b) Sửa chữa lớn tài sản cố định	1.790.837.543	-
- Sửa chữa lớn Sàn nguội thổi 3 tại phân xưởng Cán	487.792.701	-
- Sửa chữa lớn Đường nội bộ	481.982.648	-
- Gia cố, sửa chữa phòng biển thể lò 20 tấn	191.635.035	-
- Thay mái tôn và chống dột nhà xưởng	347.202.771	-
- Sửa chữa lớn Hệ thống nước làm mát biển thể lò 20 tấn tại phân xưởng Luyện	115.627.071	-
- Sửa chữa lớn Nền nhà tại phân xưởng Luyện	166.597.317	-
	2.235.787.530	851.713.429

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VICASA - VNSTEEL

KCN Biên Hòa 1, đường số 9, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá										
Số dư đầu kỳ	58.688.188.597	273.191.222.561	38.199.757.317	10.590.746.075	380.669.914.550					
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	8.367.908.992	-	-	8.367.908.992					
- Thanh lý, nhượng bán	-	(620.338.053)	(421.125.642)	(917.062.227)	(1.958.525.922)					
Số dư cuối kỳ	58.688.188.597	280.938.793.500	37.778.631.675	9.673.683.848	387.079.297.620					
Giá trị hao mòn lũy kế										
Số dư đầu kỳ	48.237.688.379	212.364.105.498	29.332.407.044	8.178.537.314	298.112.738.235					
- Khấu hao trong kỳ	1.566.054.816	8.700.006.916	1.121.591.347	353.477.996	11.741.131.075					
- Thanh lý, nhượng bán	-	(407.096.846)	(421.125.642)	(917.062.227)	(1.745.284.715)					
Số dư cuối kỳ	49.803.743.195	220.657.015.568	30.032.872.749	7.614.953.083	308.108.584.595					
Giá trị còn lại										
Tại ngày đầu kỳ	10.450.500.218	60.827.117.063	8.867.350.273	2.412.208.761	82.557.176.315					
Tại ngày cuối kỳ	8.884.445.402	60.281.777.932	7.745.758.926	2.058.730.765	78.970.713.025					

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 8.188.026.121 VND
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 191.679.238.134 VND



CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VICASA - VNSTEEL

KCN Biên Hòa 1, đường số 9, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.052.998.242	1.611.836.422
- Chi phí Bảo hiểm tài sản	-	81.197.328
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	102.000.000	406.800.000
	2.154.998.242	2.099.833.750
b) Dài hạn		
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.163.838.800	798.903.208
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	1.213.153.578	1.586.431.738
- Chi phí trả trước dài hạn khác	-	29.811.679
	2.376.992.378	2.415.146.625

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần TMDV Xuất nhập khẩu Hoàng Tấn Phát	5.123.812.540	5.123.812.540	1.867.879.200	1.867.879.200
- Công ty TNHH MTV Bảo Ngọc Thụ	3.313.134.000	3.313.134.000	1.939.810.400	1.939.810.400
- Công ty TNHH An Trung Mạnh	4.743.585.000	4.743.585.000	-	-
- Công ty TNHH MTV Hoàng Bảo Hiếu	2.654.371.500	2.654.371.500	1.833.053.200	1.833.053.200
- Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Than Hùng Trọng	1.971.321.880	1.971.321.880	1.678.849.480	1.678.849.480
- Công ty TNHH Thương mại Thành Đạt	-	-	4.134.053.000	4.134.053.000
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Miền Nam	-	-	3.541.205.223	3.541.205.223
- Công ty TNHH Thép Huy Hoàng Gia	5.320.679.100	5.320.679.100	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	15.429.826.661	15.429.826.661	15.357.658.871	15.357.658.871
	38.556.730.681	38.556.730.681	30.352.509.374	30.352.509.374
b) Phải trả người bán là các bên liên quan				
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37)	2.059.007.518	2.059.007.518	5.255.355.246	5.255.355.246

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VICASA - VNSTEEL

KCN Biên Hòa 1, đường số 9, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ			
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND		
Thuế Giá trị gia tăng	-	313.312.677	8.085.747.249	5.331.167.234	-	-	3.067.892.692	Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	38.035.740	5.808.980.334	4.242.815.300	-	1.604.200.774
Thuế Thu nhập cá nhân	-	111.334.241	2.081.712.655	2.056.537.004	-	-	136.509.892	Các loại thuế khác	-	1.200.000	4.167.500	4.167.500	-	1.200.000
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-	-	Tổng cộng	-	463.882.658	15.983.607.738	11.637.687.038	-	4.809.803.358

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VICASA - VNSTEEL

KCN Biên Hòa I, đường số 9, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	54.922.007	32.075.057
- Trích trước chi phí tiền điện	934.392.016	153.422.016
- Trích trước chi phí có tính chất phúc lợi cho CBCNV	440.000.000	-
- Các khoản lương chế độ	485.534.000	-
- Trích trước chi phí khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV	700.000.000	-
	2.614.848.023	185.497.073

15 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	161.873.200	162.462.000
- Nhân ký quỹ, ký cược ngắn hạn	775.000.000	775.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	598.930.826	437.449.540
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	391.373.557	313.539.224
	1.927.177.583	1.688.450.764

16 . VAY NGẮN HẠN

	01/01/2017		Trong kỳ		30/06/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽¹⁾	15.645.820.850	15.645.820.850	38.189.505.750	32.320.827.000	21.514.499.600	21.514.499.600
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh ⁽²⁾	11.034.984.400	11.034.984.400	29.719.323.150	11.034.984.400	29.719.323.150	29.719.323.150
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa ⁽³⁾	14.617.563.950	14.617.563.950	82.331.838.600	61.544.597.950	35.404.804.600	35.404.804.600
	41.298.369.200	41.298.369.200	150.240.667.500	104.900.409.350	86.638.627.350	86.638.627.350

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Hợp đồng tín dụng số 01/2016/3177565/HĐTĐ ngày 15/11/2016, với các điều khoản chi tiết như sau:
- Hạn mức tín dụng: 150.000.000.000 VND;
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
 - Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng;
 - Lãi suất cho vay: Theo từng giấy nhận nợ, tại thời điểm ký hợp đồng là 5,7%/năm;
 - Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 21.514.499.600 VND;
 - Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay này được đảm bảo bằng các tài sản sau:
 - + Máy cắt băm liệu công suất 1.000T theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2014/3177565/HĐBĐ ngày 02/10/2014. Tổng giá trị tài sản được định giá là 9.020.000.000 VND;
 - + Các máy móc thiết bị theo Hợp đồng thế chấp số 01/2012/3177565-HĐTC ngày 18/01/2012. Tổng giá trị tài sản được định giá là 17.910.000.000 VND;
- (2) Hợp đồng tín dụng số 208/2016-HĐTĐHM/NHCT902-VICASA ngày 31/10/2016, với các điều khoản chi tiết như sau:
- Hạn mức tín dụng: 200.000.000.000 VND;
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
 - Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng;
 - Lãi suất cho vay: Theo từng giấy nhận nợ, tại thời điểm ký hợp đồng là 5,7%/năm;
 - Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 29.719.323.150 VND;
 - Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay này được đảm bảo bằng các tài sản sau:
 - + Thế chấp máy móc thiết bị là Hệ thống xử lý khí thải xưởng luyện thép công suất 8.000 m3/h theo Hợp đồng thế chấp số 167/2016/HĐTC/NHCT902-VICASA. Tài sản này được định giá theo Biên bản định giá lại tài sản ngày 31/10/2016 với giá trị 18.118.544.220 VND;
 - + Nợ phải thu phát sinh từ Hợp đồng mua bán thép trả chậm số 01/2016/HĐTC-TMN ngày 02/01/2016 và các biên bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng này (nếu có) do Công ty ký kết với Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL. Quyền tài sản này được định giá theo Biên bản định giá tài sản thế chấp ngày 31/10/2016 với giá trị 150.000.000.000 VND;
- (3) Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 234.16/48.05-HMTĐ ngày 31/10/2016, với các điều khoản chi tiết như sau:
- Hạn mức tín dụng: 120.000.000.000 VND;
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
 - Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng;
 - Lãi suất cho vay: Theo từng giấy nhận nợ, tại thời điểm ký hợp đồng là 5,7%/năm;
 - Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 35.404.804.600 VND;
 - Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp bằng giá trị thành phẩm và nguyên liệu tồn kho.

17 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Dự phòng chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	3.100.000.000	-
	3.100.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VICASA - VNSTEEL

KCN Biên Hòa 1, đường số 9, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu kỳ trước	151.873.220.000	20.441.721.380	20.441.721.380	13.999.169.000	38.397.635.483	224.711.745.863			
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	22.165.308.750	22.165.308.750			
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	1.000.000.000	(1.000.000.000)	-			
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(3.066.290.000)	(3.066.290.000)			
Chia cổ tức	-	-	-	-	(22.780.983.000)	(22.780.983.000)			
Trích Quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)			
Số dư cuối kỳ trước	151.873.220.000	20.441.721.380	20.441.721.380	14.999.169.000	33.215.671.233	220.529.781.613			
Số dư đầu kỳ này	151.873.220.000	20.441.721.380	20.441.721.380	14.999.169.000	41.514.956.796	228.829.067.176			
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	23.235.921.338	23.235.921.338			
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(3.046.460.000)	(3.046.460.000)			
Chia cổ tức	-	-	-	-	(22.780.983.000)	(22.780.983.000)			
Số dư cuối kỳ này	151.873.220.000	20.441.721.380	20.441.721.380	14.999.169.000	38.923.435.134	226.237.545.514			

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 03/NQ-DHĐCĐ-VCA ngày 28/03/2017, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100	41.514.956.796
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	7,34	3.046.460.000
Chi trả cổ tức (bằng 15% vốn điều lệ)	54,87	22.780.983.000
Lợi nhuận chưa phân phối	37,79	15.687.513.796

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VICASA - VNSTEEL

KCN Biên Hòa 1, đường số 9, phường An Bình, thành phố
Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
- Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTCP	65,00	98.718.750.000	65,00	98.718.750.000
- Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng	7,14	10.846.290.000	7,14	10.846.290.000
- Các cổ đông khác	27,86	42.308.180.000	27,86	42.308.180.000
	100	151.873.220.000	100	151.873.220.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	151.873.220.000	151.873.220.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	151.873.220.000	151.873.220.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	151.873.220.000	151.873.220.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	22.780.983.000	22.780.983.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	22.780.983.000	22.780.983.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.187.322	15.187.322
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.187.322	15.187.322
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	15.187.322	15.187.322
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.187.322	15.187.322
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	15.187.322	15.187.322
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần		

e) Các quỹ công ty

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Quỹ đầu tư phát triển	14.999.169.000	14.999.169.000
	14.999.169.000	14.999.169.000

19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại	30/06/2017	01/01/2017
- Đồng đô la Mỹ (USD)	477,09	443,57

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VICASA - VNSTEELKCN Biên Hòa 1, đường số 9, phường An Bình, thành phố
Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	770.261.953.687	670.979.671.690
Doanh thu bán vật tư, phế liệu	1.969.876.688	1.469.013.450
Doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	174.761.817	22.336.026.331
	<u>772.406.592.192</u>	<u>694.784.711.471</u>
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37)	<u>763.634.750.739</u>	<u>605.445.899.178</u>

21 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	3.338.774.400	-
Hàng bán bị trả lại	-	34.930.000
	<u>3.338.774.400</u>	<u>34.930.000</u>

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	716.014.400.668	629.717.630.271
Giá vốn của vật tư, phế liệu đã bán	756.412.418	1.553.187.108
Giá vốn của dịch vụ và giá vốn khác đã cung cấp	-	20.218.114.404
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(898.723.013)
	<u>716.770.813.086</u>	<u>650.590.208.770</u>

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi	172.373.465	857.562.633
Lãi bán hàng trả chậm	310.145.552	150.369.497
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	26.238	-
	<u>482.545.255</u>	<u>1.007.932.130</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VICASA - VNSTEELKCN Biên Hòa 1, đường số 9, phường An Bình, thành phố
Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.370.943.479	562.297.016
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	4.440	3.412.784
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	2.041.980
	<u>1.370.947.919</u>	<u>567.751.780</u>

25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	293.815.413	376.487.364
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.147.612.113	3.172.320.166
Chi phí khác bằng tiền	3.901.116.489	95.926.555
	<u>8.342.544.015</u>	<u>3.644.734.085</u>

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.038.339.388	1.299.392.572
Chi phí nhân công	5.750.116.781	4.841.097.243
Chi phí khấu hao tài sản cố định	353.477.996	587.332.696
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
Hoàn nhập dự phòng	(15.000.000)	(10.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.236.535.908	2.729.338.812
Chi phí khác bằng tiền	3.676.124.667	2.915.274.538
	<u>14.042.594.740</u>	<u>12.365.435.861</u>

27 . THU NHẬP KHÁC

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	13.158.793	67.272.728
Thu nhập khác	15.000.000	2.500.000
	<u>28.158.793</u>	<u>69.772.728</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VICASA - VNSTEELKCN Biên Hòa 1, đường số 9, phường An Bình, thành phố
Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

28 . CHI PHÍ KHÁC

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Chi phí do ngừng dự án tư vấn lập kế hoạch phát triển sản xuất	-	952.719.895
Chi phí khác	6.720.408	-
	6.720.408	952.719.895

29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	29.044.901.672	27.706.635.938
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	29.044.901.672	27.706.635.938
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	5.808.980.334	5.541.327.188
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	38.035.740	1.915.848.983
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(4.242.815.300)	(7.145.531.220)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	1.604.200.774	311.644.951

30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Lợi nhuận sau thuế	23.235.921.338	22.165.308.750
Các khoản điều chỉnh	(2.323.592.134)	(1.773.224.700)
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế (*)</i>	(2.323.592.134)	(1.773.224.700)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	20.912.329.204	20.392.084.050
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	15.187.322	15.187.322
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.377	1.343

(*) Quỹ Khen thưởng phúc lợi được dự kiến trích theo mức 10% lợi nhuận sau thuế của năm nay dựa trên kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2017 đã được Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 03/NQ-ĐHĐCĐ-VCA ngày 28/03/2017 thông qua.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VICASA - VNSTEELKCN Biên Hòa I, đường số 9, phường An Bình, thành phố
Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	596.145.577.006	450.683.494.003
Chi phí nhân công	48.282.169.029	40.944.211.065
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.741.131.075	14.221.619.406
Chi phí dịch vụ mua ngoài	108.629.044.090	112.284.319.798
Chi phí khác bằng tiền	13.770.360.635	9.294.842.013
	778.568.281.835	627.428.486.285

32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.847.745.687	-	46.456.265.470	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	109.784.515.390	(2.079.746.623)	68.450.171.793	(2.094.746.623)
	137.632.261.077	(2.079.746.623)	114.906.437.263	(2.094.746.623)
			Giá trị sổ kế toán	
			30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			86.638.627.350	41.298.369.200
Phải trả người bán, phải trả khác			40.483.908.264	32.040.960.138
Chi phí phải trả			2.614.848.023	185.497.073
			129.737.383.637	73.524.826.411

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VICASA - VNSTEEL

KCN Biên Hòa 1, đường số 9, phường An Bình, thành phố
Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.847.745.687	-	-	27.847.745.687
Phải thu khách hàng, phải thu khác	107.704.768.767	-	-	107.704.768.767
	<u>135.552.514.454</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>135.552.514.454</u>
Tại ngày 01/01/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	46.456.265.470	-	-	46.456.265.470
Phải thu khách hàng, phải thu khác	66.355.425.170	-	-	66.355.425.170
	<u>112.811.690.640</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>112.811.690.640</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2017				
Vay và nợ	86.638.627.350	-	-	86.638.627.350
Phải trả người bán, phải trả khác	40.483.908.264	-	-	40.483.908.264
Chi phí phải trả	2.614.848.023	-	-	2.614.848.023
	<u>129.737.383.637</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>129.737.383.637</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VICASA - VNSTEEL

KCN Biên Hòa 1, đường số 9, phường An Bình, thành phố
Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2017				
Vay và nợ	41.298.369.200	-	-	41.298.369.200
Phải trả người bán, phải trả khác	32.040.960.138	-	-	32.040.960.138
Chi phí phải trả	185.497.073	-	-	185.497.073
	<u>73.524.826.411</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>73.524.826.411</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

33 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường;	150.240.667.500	84.792.514.010
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;	104.900.409.350	144.235.360.664

34 . THÔNG TIN KHÁC

Ngày 22/02/2012, UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 519/QĐ-UBND về việc phê duyệt quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 chuyển đổi công năng Khu công nghiệp Biên Hòa 1 thành Khu đô thị - Thương mại - Dịch vụ tại phường An Bình, thành phố Biên Hòa. Do Công ty có nhà máy thuộc phạm vi quy hoạch của UBND tỉnh Đồng Nai nên Công ty phải di dời nhà máy ra khỏi Khu công nghiệp Biên Hòa 1. Hội đồng Quản trị Công ty đã quyết định di dời Công ty về Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, huyện Nhơn Phú, tỉnh Đồng Nai và Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP đã có Công văn số 51/VNS-HĐQT ngày 12/01/2015 về việc chấp nhận chủ trương di dời nhà máy. Tuy nhiên, theo Công văn số 374/KCNĐN-QHXH ngày 11/03/2015 của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai, tiến độ di dời của Công ty thuộc giai đoạn 3 từ năm 2022 đến năm 2025. Vì vậy, Công ty đã dừng chủ trương di dời Nhà máy về Khu Công nghiệp Nhơn Trạch II và đang xem xét lại kế hoạch di dời nhà máy cho phù hợp với tình hình thực tế.

35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

36 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất thép và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VICASA - VNSTEEL

KCN Biên Hòa 1, đường số 9, phường An Bình, thành phố
Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

37 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
		2017	2016
		VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		763.634.750.739	605.445.899.178
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ	709.106.100.503	577.019.792.724
- Công ty CP Sản xuất sản phẩm mạ công nghiệp Vingal - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ	16.653.000	17.114.500
- Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ	140.000.000	476.194.000
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Miền Nam	Công ty liên kết của Công ty mẹ	343.378.500	221.056.000
- Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ	33.693.209.500	14.731.496.000
- Công ty TNHH Thép Tây Đô	Công ty liên kết của Công ty mẹ	1.399.439.236	2.572.671.500
- Công ty TNHH Thép Vinakyoei	Công ty liên kết của Công ty mẹ	18.833.320.000	-
- Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim	Công ty liên kết của Công ty mẹ	102.650.000	60.000.000
- Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây	Công ty liên kết của Công ty mẹ	-	2.443.089.000
- Công ty TNHH Thép VCS - POSCO	Công ty liên kết của Công ty mẹ	-	7.899.840.000
- Công ty TNHH Tôn Phương Nam	Công ty liên kết của Công ty mẹ	-	4.545.454
- Công ty TNHH Vật liệu chịu lửa Nam Ứng	Công ty liên kết của Công ty mẹ	-	100.000
Mua hàng hóa, dịch vụ		15.558.295.243	12.541.071.632
- Công ty Cổ phần Kim khí Hà Nội	Cùng Công ty mẹ	3.006.342.500	-
- Công ty Cổ phần Kim khí TP Hồ Chí Minh	Cùng Công ty mẹ	631.429.092	1.743.033.533
- Công ty CP Sản xuất Sản phẩm Mạ công nghiệp Vingal - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ	701.348.000	496.976.000
- Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ	414.000.000	-
- Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ	-	79.825.500
- Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây	Công ty liên kết của Công ty mẹ	130.537.500	153.142.800
- Công ty TNHH Vật liệu chịu lửa Nam	Cùng Công ty mẹ	2.156.500.000	1.802.080.000
- Công ty Cổ phần Tân Thành Mỹ	Công ty liên kết của Công ty mẹ	2.122.294.800	2.088.594.400
- Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim	Công ty liên kết của Công ty mẹ	4.315.759.500	3.037.423.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VICASA - VNSTEEL

KCN Biên Hòa 1, đường số 9, phường An Bình, thành phố
Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Mua hàng hóa, dịch vụ (tiếp theo)			
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Miền Nam	Công ty liên kết của Công ty mẹ	1.797.847.851	183.438.678
- Công ty TNHH Nippovina	Công ty liên kết của Công ty mẹ	282.236.000	369.919.021
- Công ty TNHH Thép Tây Đô	Công ty liên kết của Công ty mẹ	-	2.586.638.700
Phí sử dụng thương hiệu thép chữ "V"		3.502.501.398	-
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ	3.502.501.398	-
Lãi bán hàng chậm thanh toán		310.145.552	150.369.497
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ	204.606.316	150.369.497
- Công ty TNHH Thép Tây Đô	Công ty liên kết của Công ty mẹ	105.539.236	-
Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:			
	Mối quan hệ	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		108.966.402.863	67.057.423.366
- Công ty CP Sản xuất Sản phẩm Mạ công nghiệp Vingal - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ	4.389.000	-
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ	106.426.951.647	34.656.175.847
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Miền Nam	Công ty liên kết của Công ty mẹ	2.535.062.216	2.813.923.747
- Công ty TNHH Thép Tây Đô	Công ty liên kết của Công ty mẹ	-	10.731.646.272
- Công ty TNHH Thép Vinakyoei	Công ty liên kết của Công ty mẹ	-	18.855.677.500
Phải trả người bán ngắn hạn		2.059.007.518	5.255.355.246
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ	698.269.644	442.449.593
- Công ty CP Sản xuất Sản phẩm Mạ công nghiệp Vingal - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ	35.388.100	7.227.000
- Công ty TNHH Vật liệu chịu lửa Nam Ứng	Công ty liên kết của Công ty mẹ	241.890.000	464.640.000
- Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim	Công ty liên kết của Công ty mẹ	578.007.650	463.744.600
- Công ty Cổ phần Tân Thành Mỹ	Công ty liên kết của Công ty mẹ	388.402.300	336.088.830
- Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây	Công ty liên kết của Công ty mẹ	48.367.000	-
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Miền Nam	Công ty liên kết của Công ty mẹ	68.682.824	3.541.205.223

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VICASA - VNSTEEL

KCN Biên Hòa I, đường số 9, phường An Bình, thành phố
Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính

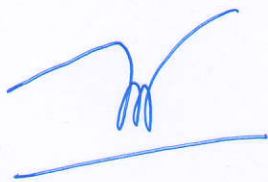
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị	2.042.918.400	1.726.665.090

38 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC soát xét.



Đặng Công An
Người lập



Nguyễn Thanh Hùng
Kế toán trưởng




Nguyễn Xuân Tiên
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 04 tháng 07 năm 2017

